

## GIẢI PHÁP CHO HỘ GIA ĐÌNH

### Hiệu năng

- Dải điện áp hoạt động rộng, điện áp khởi động thấp và hiệu suất chuyển đổi cao.
- Cuộn cảm được thiết kế riêng biệt giúp giảm nhiệt độ hoạt động bên trong thiết bị.

### Thông minh

- Tự điều chỉnh ngõ ra AC để đáp ứng các tiêu chuẩn lưới điện.
- Tích hợp màn hình LCD giám sát tại chỗ và hệ thống giám sát từ xa trên điện thoại, máy tính bảng, PC thông qua internet. Đăng ký tài khoản và cài đặt ứng dụng nhanh chóng.

### Đáng tin cậy

- Vỏ hợp kim nhôm nguyên khối, tản nhiệt tự nhiên, không gây tiếng ồn, cấp bảo vệ xâm nhập IP65.
- Linh kiện được cung cấp từ các thương hiệu nổi tiếng thế giới để đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định.

### Đơn giản – dễ sử dụng

- Thiết kế sang trọng, vận hành đơn giản.
- Kích thước nhỏ gọn, nhẹ, lắp đặt dễ dàng.



**Dòng inverter iMars BG (3 Pha)**  
BG4KTR, BG6KTR, BG10KTR



### Thông số kỹ thuật

Model	BG4KTR	BG6KTR	BG10KTR
<b>Đầu vào (DC)</b>			
Công suất DC đầu vào tối đa (W)	4800	7200	11000
Điện áp DC đầu vào tối đa (V)	900	900	1000
Điện áp khởi động (V)/ Điện áp vận hành tối thiểu (V)	220/180	220/180	220/150
Dải điện áp hoạt động MPPT (V)	200-800/580	200-800/580	200-800/610
Số lượng MPPT/ Số chuỗi trên từng MPPT		2/1	
Dòng DC cực đại (A) trên từng MPPT x số MPPT	10x2	10x2	12.5x2
<b>Đầu ra (AC)</b>			
Công suất định mức đầu ra (W)	4000	6000	10000
Dòng AC đầu ra cực đại (A)	6.4	9.6	14
Hệ số công suất		≥0.99 (có thể điều chỉnh)	
THDi		<3% (tại công suất định mức)	
Điện áp định mức đầu ra (V) / Tần số lưới điện (Hz)		230/400V; 220/380V, 3L+N+PE/3L+PE, 50Hz/60Hz	
<b>Hiệu suất</b>			
Hiệu suất tối đa	98.10%	98.20%	98.30%
Hiệu suất Euro	97.50%	97.70%	97.80%
Hiệu suất MPPT		99.90%	
<b>Bảo vệ</b>			
Chế độ bảo vệ	Tích hợp thiết bị đóng ngắt DC, bảo vệ ngắn mạch AC, bảo vệ quá dòng, bảo vệ quá điện áp, bảo vệ cách ly, bảo vệ chống dòng rò, tự động ngừng khi mất điện lưới, bảo vệ quá nhiệt, phát hiện sự cố chạm đất, v.v.		
<b>Thông tin chung</b>			
Ngôn ngữ màn hình LCD	Anh, Trung Quốc, Đức, Hà Lan		
Chuẩn truyền thông	RS485, WiFi, Ethernet (tùy chọn)		
Phương pháp tản nhiệt	Làm mát tự nhiên		Làm mát thông minh
Cấp bảo vệ xâm nhập	IP65		
Mức tiêu thụ điện vào ban đêm (W)	<1		
Chế độ cách ly	Không biến áp cách ly		
Ngưỡng nhiệt độ hoạt động	-25°C~+60°C (suy giảm công suất khi nhiệt độ trên 45°C)		
Độ ẩm	0~95%, không đọng sương		
Kích thước (C x D x S mm)	530 x 360 x 150		575 x 360 x 150
Khối lượng (kg)	20		23
Các tiêu chuẩn	IEC 61727(IEC62116), IEC 60068-2-1:2007, IEC 60068-2-2:2007, IEC 60068-2-14:2009, IEC 60068-2-30:2005, IEC 61683:1999, VDE0126-1-1, VDE-AR-N4105, G59/3, C10/11, AS/NZS 4777.2:2015, NB/T 32004-2013, PEA, ZVR		
Các chứng chỉ	IEC 62109-1:2010, IEC 62109-2:2011, EN 61000-6-2:2005, EN 61000-6-3:2007/A1:2011		
Bảo hành	5 năm / 10 năm (gói mở rộng)		

**GIẢI PHÁP CHO DOANH NGHIỆP, NHÀ XƯỞNG, KHU CÔNG NGHIỆP**



**Dòng inverter iMars BG 3 Pha:**  
 BG6KTR/BG10KTR/ BG17KTR/20KTR/  
 25KTR/30KTR/40KTR/50KTR/60KTR



**Hiệu năng**

- Dải điện áp hoạt động rộng, phù hợp với tất cả các loại tấm pin năng lượng mặt trời và các loại cấu hình chuỗi.
- Áp dụng công nghệ: T-type 3 level và SVPWM giảm nhiễu, giảm tổn hao, ổn định hơn.



**Thông minh**

- Công suất ngõ ra AC có thể được điều chỉnh trong khoảng 1 - 100%.
- Tự điều chỉnh ngõ ra AC, để đáp ứng các tiêu chuẩn lưới điện.
- Tích hợp màn hình LCD giám sát tại chỗ và hệ thống giám sát từ xa trên điện thoại, máy tính bảng, PC thông qua internet. Đăng ký tài khoản và cài đặt ứng dụng nhanh chóng.



**Đáng tin cậy**

- Cấp độ bảo vệ đạt tiêu chuẩn IP65, phù hợp lắp đặt tại nhiều điều kiện môi trường.
- Sử dụng tụ điện màng mỏng tiên tiến, công nghệ mô phỏng kiểm soát nhiệt độ giúp nâng cao tuổi thọ linh kiện.



**Đơn giản – dễ sử dụng**

- Thiết kế sang trọng, vận hành đơn giản. Kích thước nhỏ gọn, nhẹ, lắp đặt dễ dàng.

Thông số kỹ thuật

Model	BG6KTR	BG10KTR	BG17KTR	BG20KTR	BG25KTR	BG30KTR	BG40KTR	BG50KTR	BG60KTR
<b>Đầu vào (DC)</b>									
Công suất DC đầu vào tối đa (W)	7200	11000	19500	20800	28000	33000	55000	66000	72000
Điện áp DC đầu vào tối đa (V)	900	1000	1000				1100		
Dải điện áp hoạt động MPPT (V)	200-800/580	200-800/610	180- 800/610	280-800/610			570-950/740		
Số lượng MPPT/Số chuỗi ngõ	2/1		2/2	2/3			1/10	1/12	1/14
<b>Đầu ra (AC)</b>									
Công suất định mức đầu ra (W)	6000	10000	17000	20000	25000	30000	40000	50000	60000
Dòng AC đầu ra tối đa (A)	9.6	14	27.3	32	40	48	63.5	72.5	96
Điện áp định mức đầu ra (V)/ Tần số lưới điện (Hz)	230/400V;220/380V, 3L+N+PE/3L+PE, 50Hz/60Hz						230/400V, 3L+N+PE/3L+PE, 50Hz/60Hz		
<b>Hiệu suất</b>									
Hiệu suất tối đa	98,20%	98,30%	98,30%	98,40%	98,40%	98,50%	98,90%	98,90%	99,00%
Hiệu suất Euro	97,70%	97,80%	97,80%	98,00%	98,00%	98,00%	98,50%	98,50%	98,50%
<b>Bảo vệ</b>									
Chế độ bảo vệ	Tích hợp thiết bị đóng ngắt DC, bảo vệ ngắn mạch AC, bảo vệ quá dòng, bảo vệ quá điện áp, bảo vệ cách ly, bảo vệ chống dòng rò, tự động ngừng khi mất điện lưới, bảo vệ quá nhiệt, phát hiện sự cố chạm đất, v.v.						Tích hợp thiết bị đóng ngắt DC, bảo vệ ngắn mạch AC, bảo vệ quá dòng, bảo vệ quá điện áp, bảo vệ cách ly, bảo vệ chống dòng rò, bảo vệ chống sét lan truyền, tự động ngừng khi mất điện lưới, bảo vệ quá nhiệt, phát hiện sự cố chạm đất, v.v.		
<b>Thông tin chung</b>									
Ngôn ngữ màn hình LCD	Anh, Trung Quốc, Đức, Hà Lan								
Cấp bảo vệ chống xâm nhập	IP65								
Ngưỡng nhiệt độ hoạt động	-25°C ~ +60°C (suy giảm công suất khi nhiệt độ trên 45°C)								
Kích thước (C x D x S mm)	330 x 360 x 150	575 x 360 x 150	610 x 480 x 204	660 x 520 x 250			810 x 645 x 235		
Khối lượng (kg)	20	23	38	52			53		
Các tiêu chuẩn	IEC 61727(IEC62116), IEC 60068-2-1:2007, IEC 60068-2-2:2007, IEC 60068-2-14:2009, IEC 60068-2-30:2005, IEC 61683:1999, VDE0126-1-1, VDE-AR-N4105, G59/3, C10/11, AS/NZS 4777.2:2015, NB/T 32004-2013, PEA, ZVR		DIN VDE 0126-1-1:2013, VDE-AR-N 4105:2011, DIN VDE V 0124-100:2012, DIN VDE V 0124-100:2012, IEC 61727 (IEC62116), AS/NZS 4777.2:2015, NB/T32004-2013, IEC 60068-2-1:2007, IEC 60068-2-2:2007, IEC 60068-2-14:2009, IEC 60068-2-30:2005, IEC 61683:1999, C10/11:2012, G59/3-2:2015+B56, EN 50438:2013, Leader, ZVRT, PEA	NB/T 32004-2013, TUV, CE, VDE0126-1-1, VDE-AR-N4105, G59/3, C10/11, IEC 61727.2.1, AS/NZS 4777.2:2015, EN61000-6-1:4, EN61000-11:12, IEC62109-1:2010, PEA, ZVRT					
Các chứng chỉ	IEC 62109-1:2010, IEC 62109-2:2011, EN 61000-6-2:2005, EN 61000-6-3:2007/A1:2011						VDE-AR-N4105, AS4777/3100, CQC		
Bảo hành (năm)	5 năm / 10 năm ( Gói mở rộng)								